

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24/2012/QĐ-TTg

*Hà Nội, ngày 01 tháng 6 năm 2012***QUYẾT ĐỊNH****Về chính sách đầu tư phát triển rừng đặc dụng giai đoạn 2011 - 2020**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2002;

Căn cứ Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004;

Căn cứ Luật Đầu tư năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về chính sách đầu tư phát triển rừng đặc dụng giai đoạn 2011 - 2020.

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Quan điểm đầu tư và khuyến khích đầu tư phát triển rừng đặc dụng**

1. Rừng đặc dụng là tài sản quốc gia. Bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng là trách nhiệm của Nhà nước và toàn xã hội.

2. Nhà nước đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, vật chất thiết yếu và bảo đảm chi phí cho hoạt động của bộ máy quản lý, bảo vệ rừng, bảo tồn, theo dõi giám sát đa dạng sinh học, nghiên cứu khoa học, đào tạo nguồn nhân lực, tuyên truyền giáo dục bảo vệ rừng, cải thiện đời sống người dân trong rừng đặc dụng và vùng đệm.

3. Nhà nước khuyến khích phát triển các hoạt động dịch vụ môi trường rừng, kinh doanh du lịch sinh thái trong rừng đặc dụng phù hợp với quy định của pháp luật, nhằm tạo nguồn thu để bù đắp các chi phí, nâng cao thu nhập của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và thay thế dần đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước.

4. Nhà nước có chính sách hỗ trợ đầu tư và tạo cơ chế hưởng lợi cho các thành phần kinh tế, cộng đồng dân cư thôn bản tham gia đầu tư bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng.

Điều 2. Mục tiêu ban hành chính sách đầu tư và khuyến khích đầu tư phát triển rừng đặc dụng

1. Ban hành chính sách đầu tư, cơ chế phát triển rừng đặc dụng nhằm tăng hiệu quả đầu tư. Đảm bảo việc giám sát chặt chẽ của cơ quan quản lý các cấp đối với rừng đặc dụng, đồng thời tăng tính chủ động của Ban quản lý rừng đặc dụng trong hoạt động quản lý, kinh doanh các dịch vụ trong rừng đặc dụng nhằm gia tăng nguồn thu tại các khu rừng đặc dụng trên nguyên tắc bảo tồn kết hợp với phát triển.

2. Gắn trách nhiệm của người sử dụng lợi ích của rừng với đầu tư phát triển và bảo vệ phát triển rừng đặc dụng, tăng hiệu quả vốn đầu tư của Nhà nước.

3. Huy động được các thành phần kinh tế tham gia đầu tư bảo vệ, phát triển rừng đặc dụng. Hướng giảm dần biên chế nhà nước bảo vệ rừng đặc dụng, tăng dần sử dụng cộng đồng địa phương để bảo vệ rừng đặc dụng.

4. Đầu tư phát triển rừng đặc dụng nhằm bảo tồn thiên nhiên, mẫu chuẩn hệ sinh thái rừng, nguồn gen sinh vật rừng; nghiên cứu khoa học; bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh; phục vụ nghỉ ngơi, du lịch, kết hợp phòng hộ, góp phần bảo vệ môi trường.

Điều 3. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quyết định này quy định nội dung, tiêu chí đầu tư; kinh phí quản lý bảo vệ rừng sử dụng vốn ngân sách nhà nước và cơ chế khuyến khích đầu tư phát triển rừng đặc dụng.

2. Quyết định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân có liên quan đến đầu tư và phát triển rừng đặc dụng tại Việt Nam.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. Ban quản lý rừng đặc dụng là chủ rừng được nhà nước giao quản lý một hoặc một số rừng đặc dụng theo quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.

2. Cộng đồng dân cư vùng đệm bao gồm các cộng đồng dân cư thôn, bản cư trú hợp pháp trong khu vực có ranh giới tự nhiên tiếp giáp với rừng đặc dụng, hoặc nằm trong rừng đặc dụng được gọi là cộng đồng dân cư thôn bản vùng đệm của rừng đặc dụng.

3. Cơ quan quyết định đầu tư: Đối với dự án của Ban quản lý rừng đặc dụng trực thuộc Bộ, ngành Trung ương quản lý thì Bộ, ngành là cơ quan quyết định đầu tư; đối với dự án của Ban quản lý rừng đặc dụng trực thuộc địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan quyết định đầu tư (sau đây được gọi là cấp có thẩm quyền).

Chương II

NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ CHO RỪNG ĐẶC DỤNG

Điều 5. Quy hoạch và dự án đầu tư phát triển rừng đặc dụng

1. Quy hoạch phát triển rừng đặc dụng: Ban quản lý rừng đặc dụng lập quy hoạch phát triển rừng đặc dụng (bao gồm cả phát triển du lịch sinh thái) trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; thời hạn quy hoạch là 10 năm.

2. Lập, phê duyệt dự án đầu tư: Ban quản lý lập dự án đầu tư, phát triển rừng đặc dụng phù hợp với quy hoạch được duyệt và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định về quản lý đầu tư hiện hành của Nhà nước.

Điều 6. Hạng mục và tiêu chí đầu tư phát triển rừng đặc dụng

Đầu tư phát triển rừng đặc dụng được triển khai từng bước, tiết kiệm phù hợp với khả năng vốn đầu tư. Ngân sách nhà nước đầu tư cho các hạng mục công trình trong khu rừng đặc dụng theo thứ tự ưu tiên như sau:

1. Văn phòng làm việc và nhà tạm trú cho cán bộ:

a) Văn phòng làm việc của Ban quản lý rừng đặc dụng thực hiện theo Quyết định số 147/1999/QĐ-TTg ngày 05 tháng 7 năm 1999 và Quyết định số 260/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

b) Trạm quản lý bảo vệ rừng mức trung bình 200 m²/trạm và các công trình phụ trợ và các công trình phụ khác như nước hợp vệ sinh, hàng rào bảo vệ;

c) Nhà ở tạm trú (tập thể) gắn với nơi làm việc của cán bộ, nhân viên đối với cán bộ không có chỗ ở trên địa bàn, mức trung bình 12 m²/người;

d) Trường hợp đặc biệt nơi đặt văn phòng Ban quản lý rừng đặc dụng, trạm quản lý bảo vệ rừng không có quy hoạch hệ thống điện lưới quốc gia, cho phép đầu tư hệ thống điện độc lập (điện mặt trời, điện gió, thủy điện...).

2. Đầu tư đường giao thông:

a) Đường giao thông tính từ đường giao thông chính hiện có đến văn phòng của Ban quản lý rừng đặc dụng theo tiêu chuẩn từ cấp III đến cấp V, phù hợp với cấp của đường giao thông chính hiện có trên địa bàn;

b) Đường nội bộ trong phân khu hành chính dịch vụ, khu ở của cán bộ nhân viên; biển chỉ dẫn, đường tuần tra rừng có chiều rộng không quá 1,5 m;

c) Bến đỗ tàu, thuyền đối với địa điểm văn phòng, trạm quản lý bảo vệ rừng nằm cạnh sông, biển phù hợp với quy hoạch phát triển rừng đặc dụng và khả năng cân đối nguồn vốn.

3. Trang thiết bị dự báo, cảnh báo cháy; các công trình, trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy rừng gồm: Chòi canh lửa rừng, hệ thống kênh rạch, nhà tập luyện, hồ đập, bể dự trữ nước, đường băng cản lửa, hệ thống băng biển phòng cháy, các phương tiện và trang thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy khác theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Các công trình được đầu tư theo dự án được duyệt khác gồm: Vườn sưu tập và lưu trữ nguồn gen thực vật kết hợp vườn giống; trung tâm cứu hộ kết hợp chăn thả động vật hoang dã; trung tâm giáo dục môi trường kết hợp nhà khách; nhà bảo tàng động thực vật; các công trình phục vụ nghiên cứu khoa học.

5. Công trình hạ tầng phục vụ du lịch sinh thái, dịch vụ môi trường; ưu tiên đầu tư dự án hạ tầng du lịch nằm trong quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt của các ban quản lý rừng đặc dụng thực hiện thí điểm chuyển đổi bộ phận kinh doanh.

Điều 7. Kinh phí sự nghiệp và kinh phí quản lý bảo vệ rừng đặc dụng

1. Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí sự nghiệp thường xuyên cho các hoạt động của bộ máy Ban quản lý rừng đặc dụng do cấp có thẩm quyền quyết định; phân bổ trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm.

2. Ngoài kinh phí sự nghiệp thường xuyên quy định tại Khoản 1 Điều này, Nhà nước cấp kinh phí quản lý bảo vệ rừng ổn định để Ban quản lý rừng đặc dụng chủ động tổ chức thuê, khoán, hợp đồng cộng đồng dân cư tại chỗ, mua sắm trang thiết bị để quản lý bảo vệ rừng; mức trung bình 100.000 đồng/ha/năm tính trên tổng diện tích được giao (mức cụ thể do cơ quan có thẩm quyền quyết định). Nội dung chi khoản này hàng năm do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Kế hoạch chi kinh phí quản lý bảo vệ rừng hàng năm cho từng khoản mục cụ thể phải được công khai tại Ban quản lý rừng đặc dụng và sao gửi cho tất cả các đơn vị trực thuộc Ban quản lý.

Điều 8. Hỗ trợ phát triển cộng đồng vùng đệm các khu rừng đặc dụng

1. Ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư cho cộng đồng dân cư thôn bản vùng đệm để đồng quản lý rừng đặc dụng; mức hỗ trợ mỗi thôn bản là 40 triệu đồng/thôn, bản/năm.

2. Khoản kinh phí này được chi cho các nội dung: Đầu tư nâng cao năng lực phát triển sản xuất (khuyến nông, khuyến lâm, giống cây, giống con, thiết bị chế biến nông lâm sản quy mô nhỏ); hỗ trợ vật liệu xây dựng cho thôn bản (đối với các công trình công cộng của cộng đồng như nước sạch, điện chiếu sáng, thông tin liên lạc, đường giao thông thôn bản, nhà văn hóa...).

3. Ban quản lý rừng đặc dụng được giao quản lý kinh phí này theo quy định của quản lý kinh phí sự nghiệp kinh tế hiện hành. Dự toán chi tiết hỗ trợ đầu tư vùng đệm hàng năm phải do thôn bản lập kế hoạch đề xuất; Ban quản lý rừng đặc dụng chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân xã hợp bàn với từng thôn bản để đồng phê duyệt (không phải lập dự án đầu tư). Kế hoạch chi tiêu này phải gắn với kế hoạch, cam kết bảo vệ rừng đặc dụng; thôn, bản nào thực hiện bảo vệ rừng không tốt, Ban quản lý rừng đặc dụng có quyền chuyển vốn hỗ trợ cho thôn bản khác. Cộng đồng dân cư tổ chức giám sát thực hiện nội dung này theo quy định về chế độ dân chủ cơ sở.

Điều 9. Nguồn vốn đầu tư rừng đặc dụng

1. Ngân sách trung ương đầu tư cho các khu rừng đặc dụng do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

2. Ngân sách địa phương đầu tư cho các khu rừng đặc dụng do địa phương quản lý. Ngân sách trung ương hỗ trợ đầu tư có mục tiêu cho các vườn quốc gia của các địa phương và rừng đặc dụng nằm ở huyện biên giới, hải đảo của các địa phương có ngân sách khó khăn.

3. Nguồn vốn thu từ lợi nhuận của các hoạt động dịch vụ, hoạt động liên doanh, liên kết, bộ phận kinh doanh, công ty cổ phần kinh doanh dịch vụ trong rừng đặc dụng (nếu có), cho thuê môi trường rừng, thu phí dịch vụ môi trường rừng và các dịch vụ khác của Ban quản lý rừng đặc dụng.

4. Vốn huy động hợp pháp của các tổ chức, cá nhân để đầu tư phát triển rừng đặc dụng.

5. Tổng vốn đầu tư và vốn sự nghiệp từ ngân sách nhà nước cho chính sách này khoảng 5.500 tỷ trong đó vốn đầu tư là 50%.